CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang

Ngày 30/09/2025	10,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.1%	**5.3%**	**-5.3%**

DT thuần
Q3/25
98.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼39.3| -28.5%
YoY: ▲ 17.1| 20.9%

LN thuần
Q3/25
9.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▼29.7| -75.8%
YoY: ▲ 12.1| 467%

LN sau thuế
Q3/25
7.35
tỷ VNĐ
QoQ: ▼26.5| -78.3%
YoY: ▲ 10.5| 336%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
10.0%
YoY: +/-▼ 18.7%

ROE (TTM)
Q3/25
5.1%
YoY: +/-▲ 1.2%

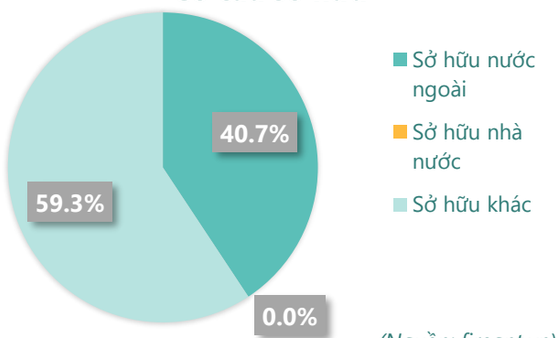
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,551 - 12,311
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	722
Số lượng CPLH (CP)	66,497,697
KLGD BQ 20 phiên (CP)	173,365
Sở hữu nước ngoài	40.7%
Beta	0.93
EPS	696
P/E	15.6

DT thuần
9T 2025
348
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.0| 10.3%

LN thuần
9T 2025
67.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.5| 29.9%

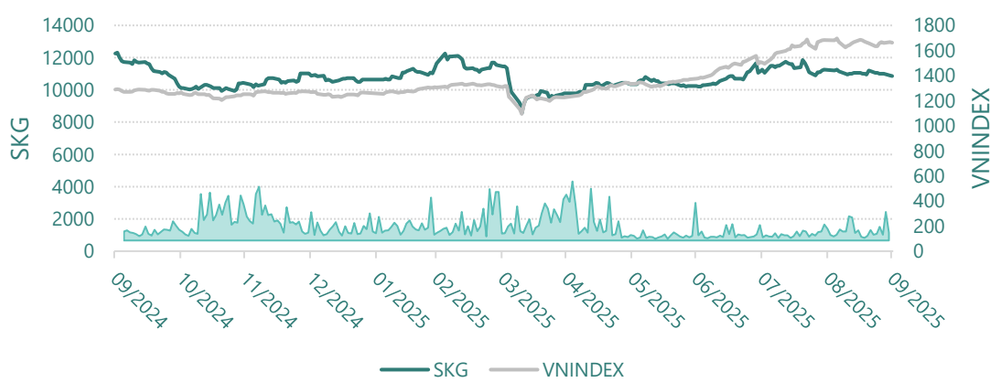
LN sau thuế
9T 2025
56.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.3| 27.6%

Cơ cấu sở hữu

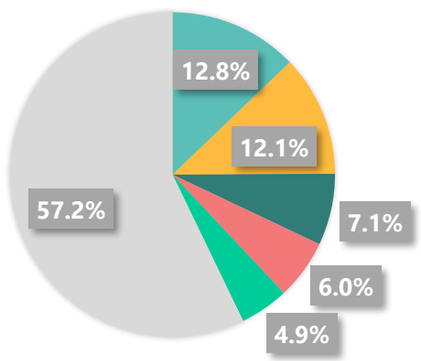


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

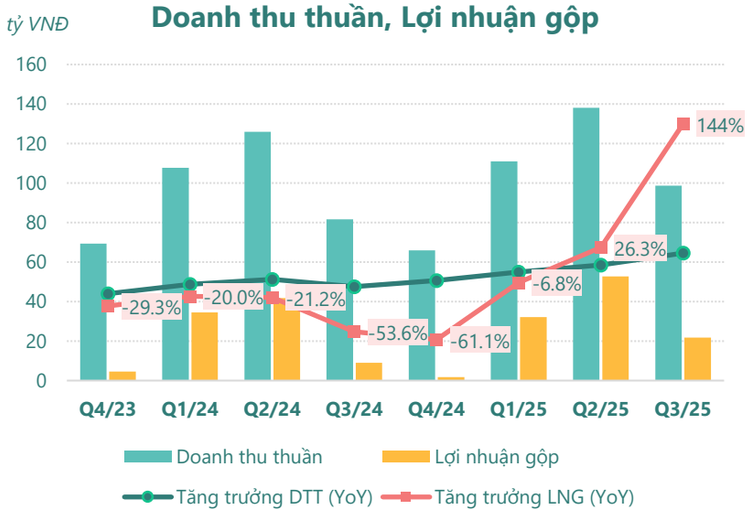


- Puan Kwong Siing (Tổng giám đốc)
- Ting Chek Hua
- Hà Nguyệt Nhi (Thành viên HĐQT)
- Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHB
- Puan Chiong
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

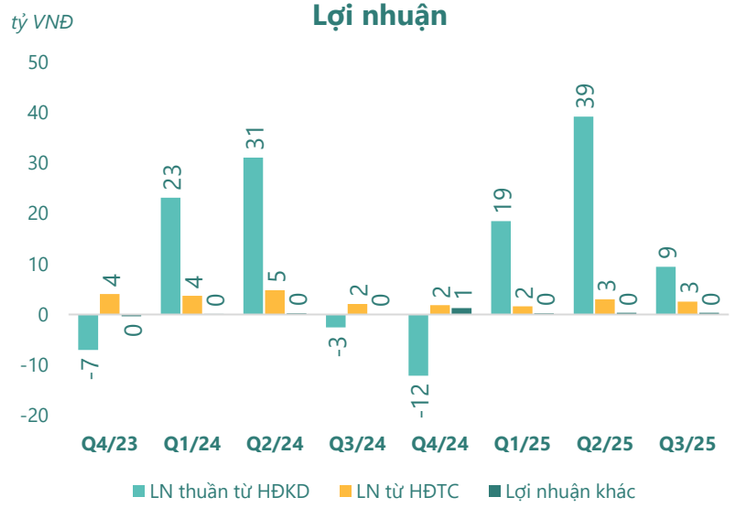
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



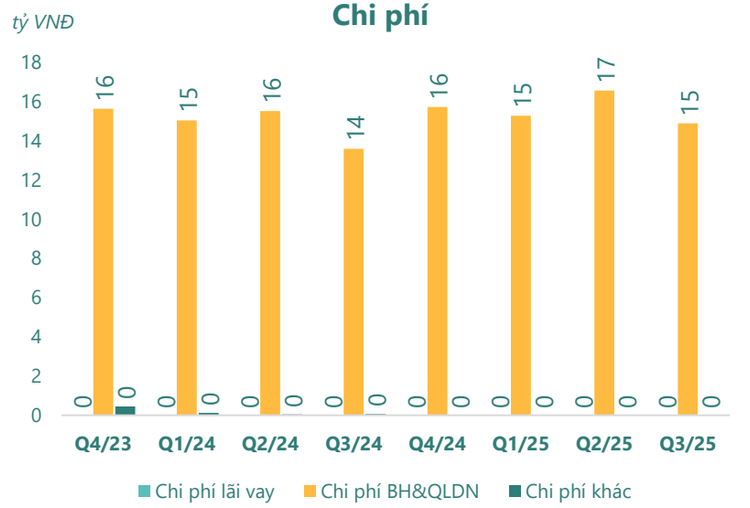
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



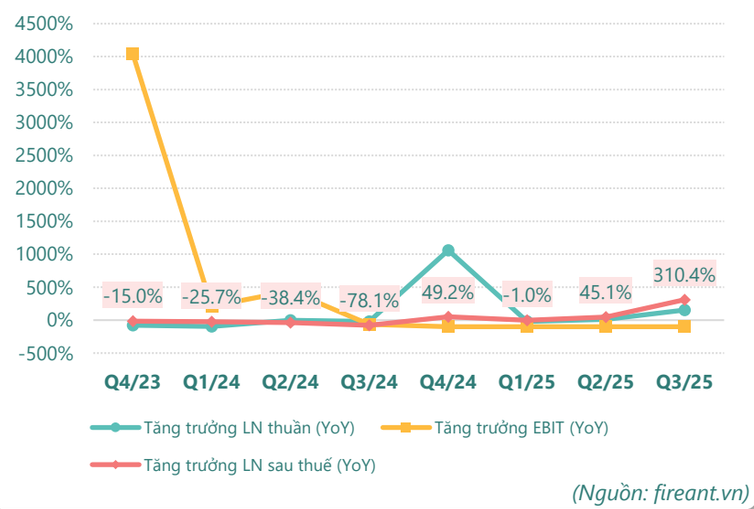
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



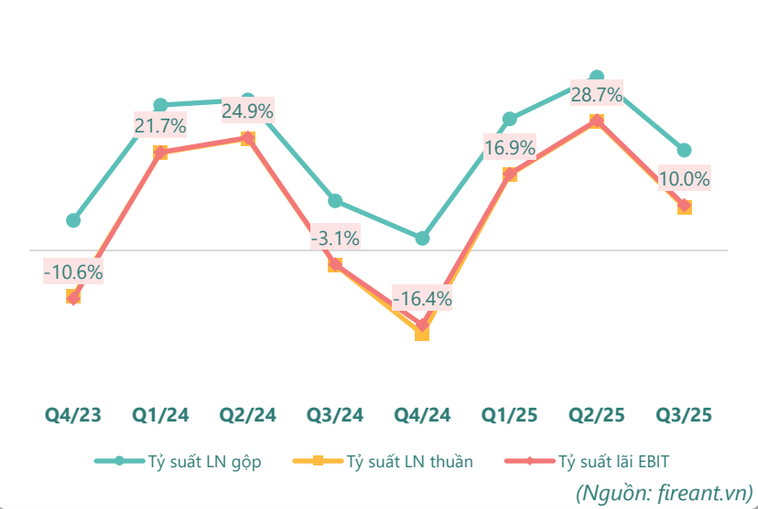
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



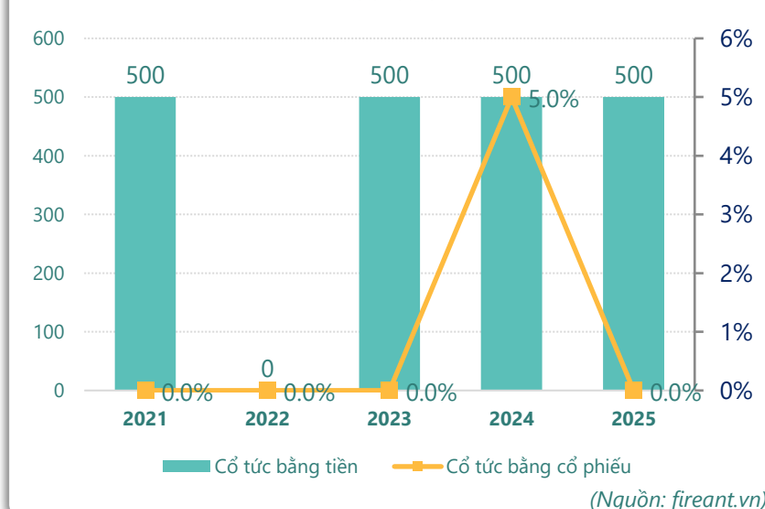
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

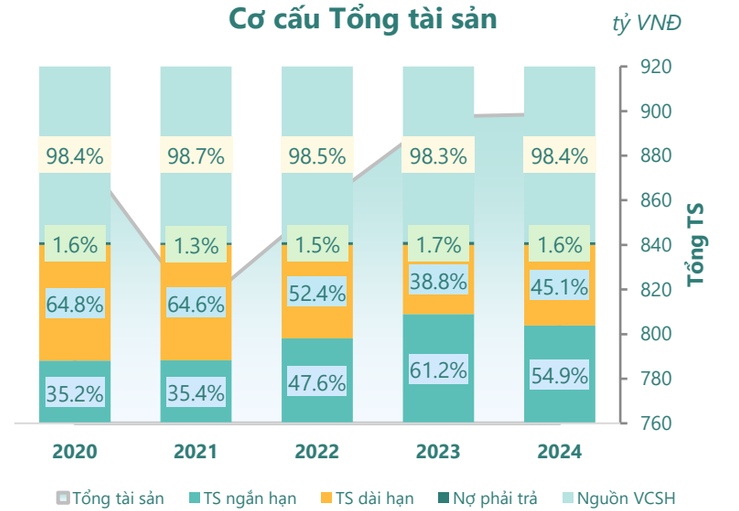
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

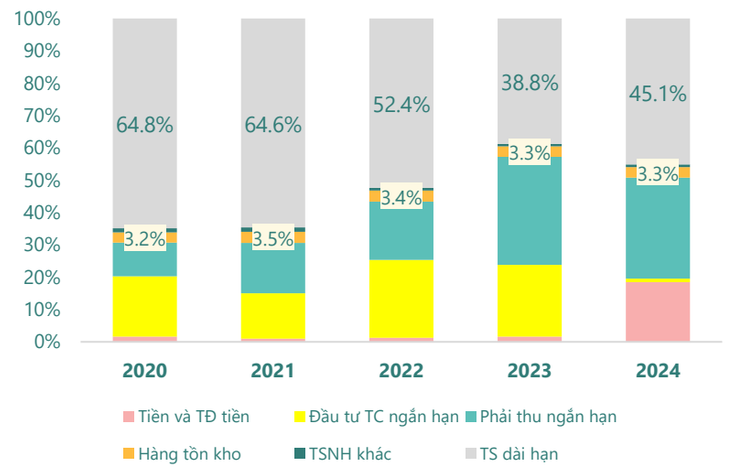
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



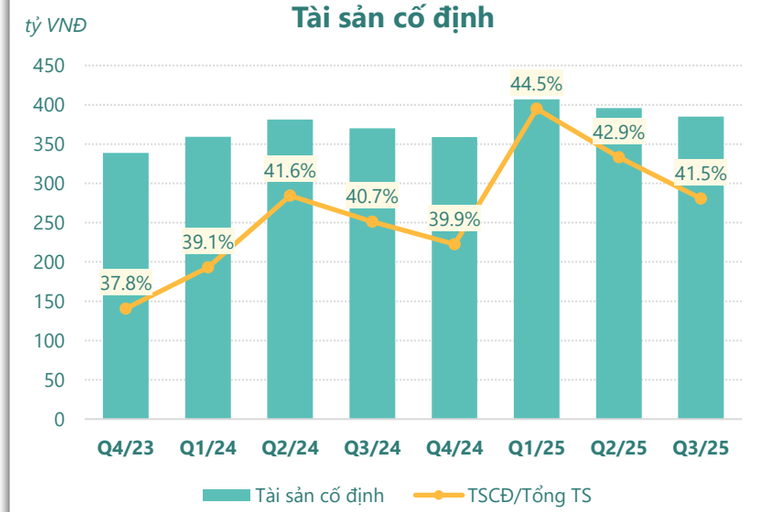
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



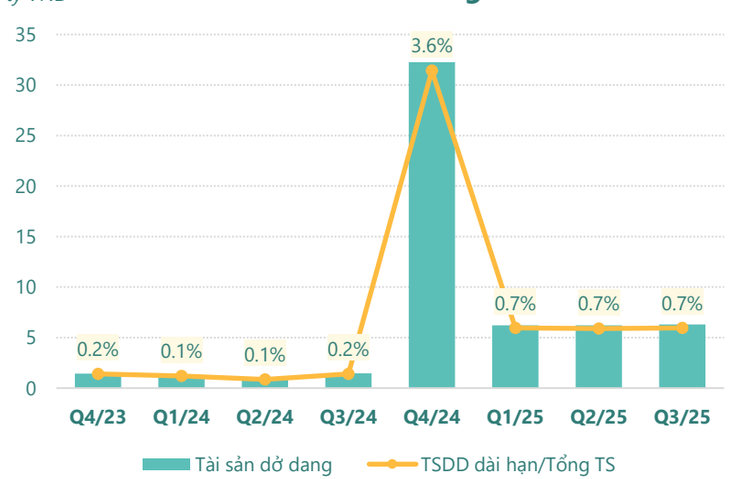
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



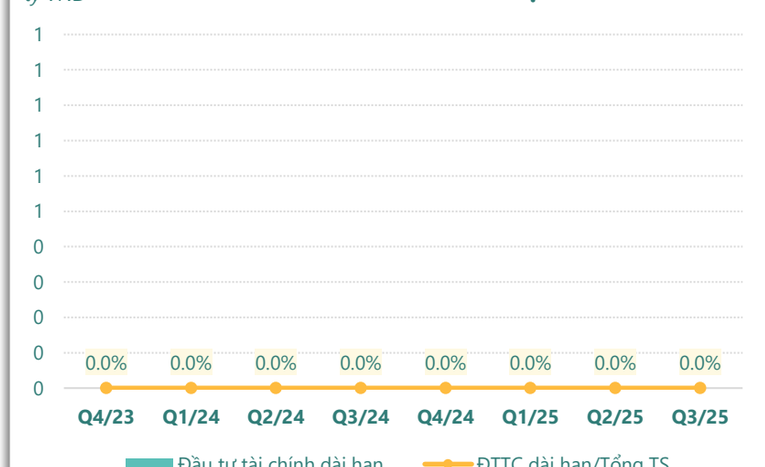
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



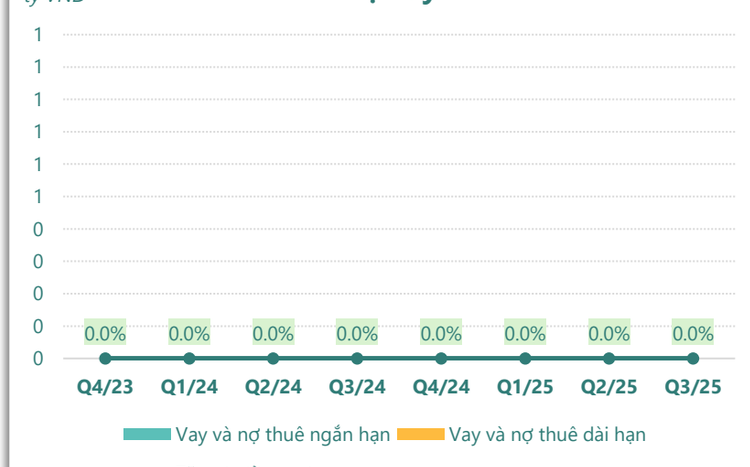
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

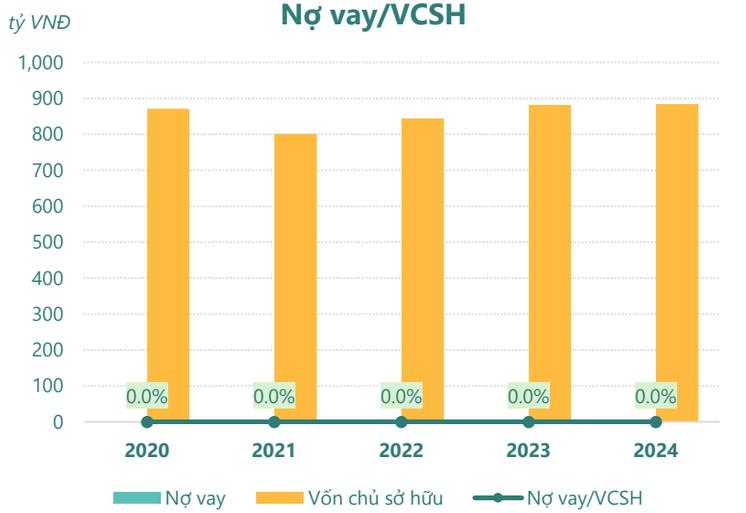
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

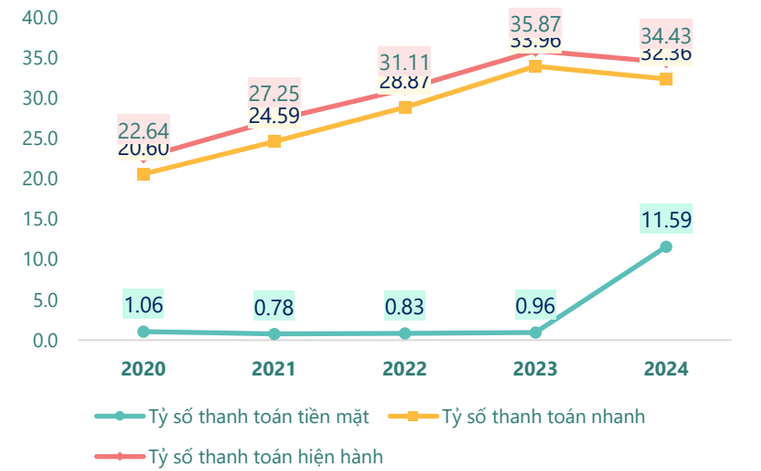
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



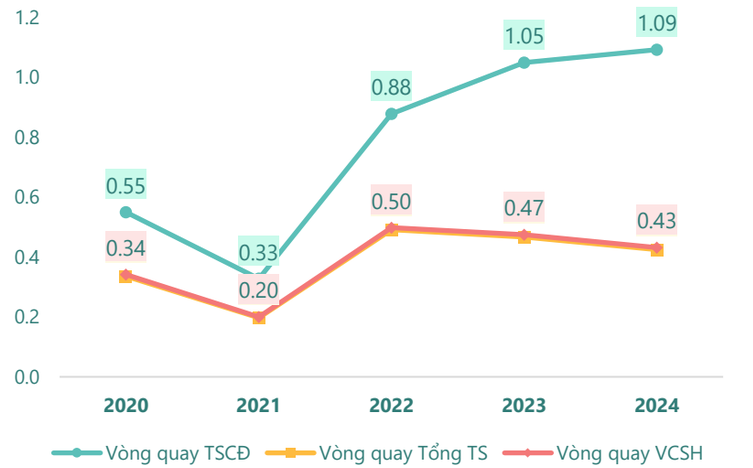
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



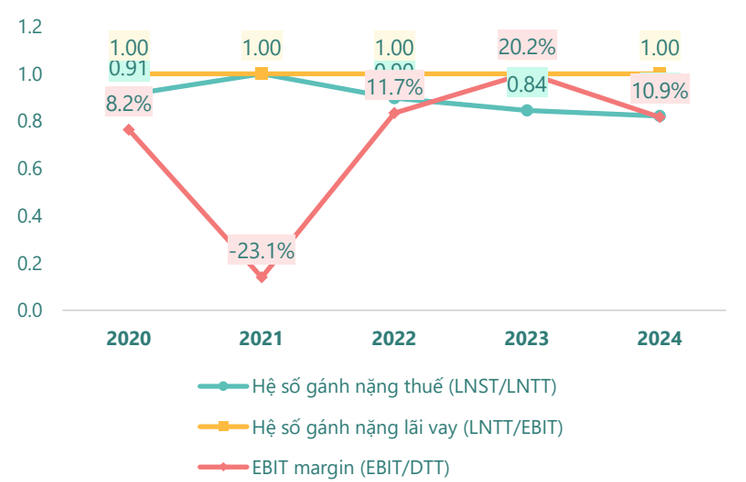
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



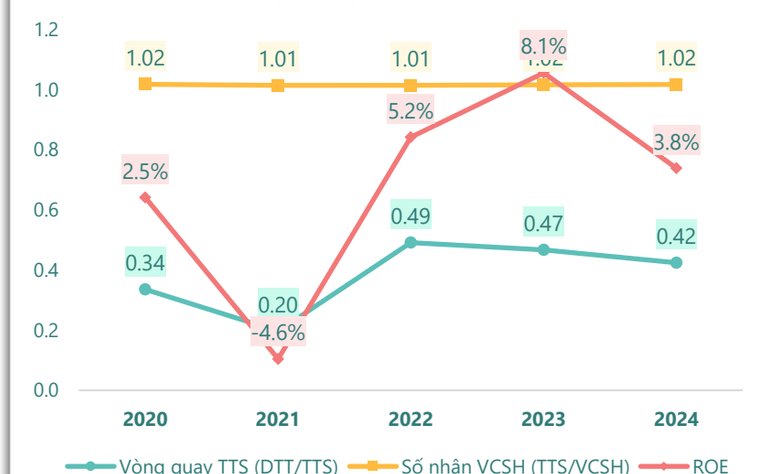
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



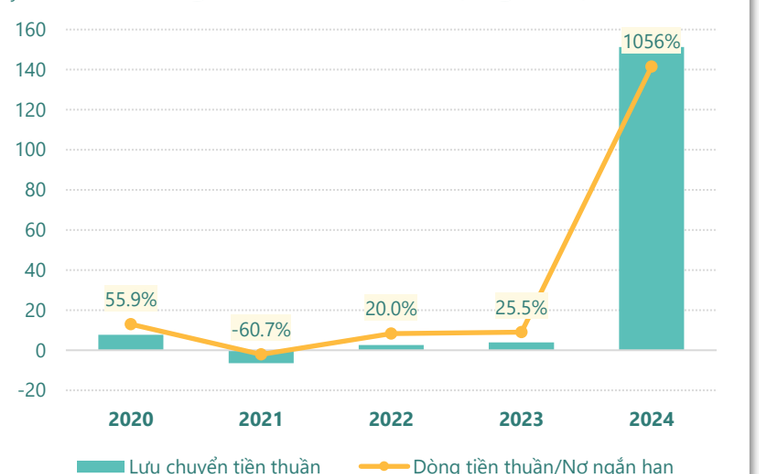
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**98.7**	**81.6**	**20.9%**	**348**	**315**	**10.3%**
Giá vốn hàng bán	76.9	72.6	5.9%	241	230	4.8%
Lợi nhuận gộp	21.8	8.95	144%	107	85.3	25.2%
Doanh thu HĐTC	2.56	2.08	23.0%	7.38	10.6	-30.6%
Chi phí TC	0	0.01	-100%	0.19	0.01	1206%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	11.1	10.1	10.0%	35.2	33.1	6.2%
Chi phí QLDN	**3.78**	**3.46**	**9.3%**	**11.6**	**11.0**	**4.7%**
LN thuần từ HĐKD	9.48	-2.58	467%	67.2	51.7	29.9%
Lợi nhuận khác	**0.36**	**0.07**	**412%**	**0.91**	**0.46**	**96.8%**
LN trước thuế	9.83	-2.50	493%	68.1	52.2	30.5%
Lợi nhuận sau thuế	**7.35**	**-3.11**	**336%**	**56.8**	**44.5**	**27.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.35**	**-3.11**	**336%**	**56.8**	**44.5**	**27.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.28	1.84	-0.40	20.3	38.6	14.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	49.0	115	7.58	-82.7	-93.7	-23.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.7	0	0	0	-33.2	0
Tiền đầu kỳ	19.4	42.0	159	166	104	15.3
Lưu chuyển tiền thuần	**22.6**	**117**	**7.18**	**-62.3**	**-88.3**	**-8.79**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	42.0	159	166	104	15.3	6.54

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**928**	**899**	**3.3%**
Tài sản ngắn hạn	520	493	5.3%
Tiền và tương đương tiền	6.54	166	-96.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	190	10.0	1800%
Phải thu ngắn hạn	282	280	0.6%
Hàng tồn kho	31.8	29.7	7.4%
Tài sản ngắn hạn khác	9.11	7.31	24.5%
Tài sản dài hạn	**408**	**405**	**0.7%**
Phải thu dài hạn	0.91	0.81	12.4%
Tài sản cố định	385	359	7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.30	32.3	-80.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**16.3**	**13.4**	**21.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	20.0	14.4	39.3%
Nợ ngắn hạn	**20.0**	**14.3**	**39.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.93	1.59	21.8%
Nợ dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**908**	**884**	**2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**908**	**884**	**2.7%**
Vốn điều lệ	665	665	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)